

UBND TỈNH TUYÊN QUANG

--

CONG HOA XA HOI CHU NGHIA VIET NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Số : 300 / QĐ-UB

Tuyên Quang, ngày 26 tháng 5 năm 1994

QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

V/v quy định về chính sách bảo vệ, khoanh nuôi và trồng rừng.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- Căn cứ luật tổ chức HĐND và UBND ngày 30/6/1989
- Căn cứ luật đất đai ngày 14/7/1993
- Căn cứ luật luật bảo vệ và phát triển rừng ngày 12/8/1991.
- Căn cứ vào Nghị quyết HĐND tỉnh khoá 13 kỳ họp bất thường ngày 23/4/1994 về quy định chế độ quản lý, sử dụng đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp.
- Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông lâm nghiệp và Chi cục trưởng Chi cục kiểm lâm nhân dân.

QUYẾT ĐỊNH

- Điều 1:- Này ban hành kèm theo quyết định này báp quy định về chính sách bảo vệ, khoanh nuôi và trồng rừng áp dụng trong phạm vi toàn tỉnh với 3 chương 29 điều.
- Điều 2:- Các ông Chánh văn phòng, UBND tỉnh, Thủ trưởng các Ban ngành, liên quan, Chủ tịch UBND các huyện, thị, Giám đốc các đơn vị chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.
- Điều 3:- Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký. Những quy định trước đây trái với quyết định này đều bãi bỏ.

Nơi nhận :

- TT Tỉnh ủy (báo cáo)
- Bộ LN
- UBND Nhà Nước
- Như điều 2 (thực hiện)
- Lưu VP.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG



KICH THICH
PHO CHU TICH

Le Quang Đôn



QUY ĐỊNH VỀ CHÍNH SÁCH BẢO VỆ

KHOANH NUÔI VÀ TRỒNG RỪNG

(Ban hành kèm theo quyết định số 300/QĐ-UB

ngày 26/5/1994 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Rừng và đất rừng là tài sản quý báu của Tổ quốc, do Nhà nước thống nhất quản lý. Trong luật bảo vệ và phát triển rừng đã phân rừng ra làm ba loại: Rừng phòng hộ, rừng đặc dụng và rừng sản xuất. Trong bản quy định này đề cập một số chính sách về bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh và trồng rừng trên đất lâm nghiệp.

CHƯƠNG I

CHÍNH SÁCH BẢO VỆ RỪNG

Điều 1: - Tất cả diện tích rừng hiện còn bảo gồm rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất và rừng trồng đều phải được bảo vệ nghiêm ngặt. Mọi tổ chức, cá nhân có nghĩa vụ thực hiện nghiêm chỉnh luật bảo vệ và phát triển rừng được Quốc hội thông qua ngày 12/8/1991. Ngành NN phải có kế hoạch điều tra, thiết kế, phân định ranh giới bảo vệ rừng tại nguyên trên từng khu vực trước khi thực hiện chính sách bảo vệ.

Tùy tính chất và tầm quan trọng từng loại rừng, UBND tỉnh quy định hình thức bảo vệ thích hợp, cụ thể như sau:

I/ Đối với rừng phòng hộ:

Điều 2: - Rừng tự nhiên và rừng trồng trên đất phòng hộ do Nhà nước thống nhất quản lý, những khu rừng phòng hộ đầu nguồn quan trọng phải thành lập Ban quản lý riêng do lực lượng kiểm lâm nhân dân đảm nhiệm, (theo quyết định số 1171/QĐ ngày 30/12/1986 về qui chế quản lý 3 loại rừng).

- Rừng trồng trên đất phòng hộ bằng vốn vay hoặc vốn tự có được Nhà nước mua lại giao cho Ban quản lý rừng phòng hộ bảo vệ.

- Những khu rừng phòng hộ nhỏ, nằm rải rác để bảo vệ các nguồn nước các hồ, đập thủy lợi đều giao cho các lâm trường hoặc Ban quản lý địa phương 327-CT đảm nhận. Tùy theo mức độ khó khăn phục tạp từng khu rừng mà khoán cho hộ gia đình, cá nhân bảo vệ với mức không quá 30.000/ha năm đồng thời phải có phương án khoanh được Sở Nông lâm nghiệp phê duyệt.

Điều 3:-

a) Trách nhiệm của Ban quản lý rừng phòng hộ (cấm rừng).

- Các khu phòng hộ quan trọng phải có nội qui hướng dẫn, người ra vào phải xin phép và phải được kiểm tra chặt chẽ.

- Phải có biện pháp phòng ngừa mọi hành vi làm tổn hại đến hiện trạng rừng, làm giảm khả năng phòng hộ của rừng như làm nương dẫy, chặt phá cây rừng, săn bắt chim thú, nạn cháy rừng sâu hại rừng v.v...

- Tổ chức, tuyên truyền nhân dân tham gia bảo vệ rừng, thường xuyên kiểm tra giám sát những khu rừng thuộc phạm vi quản lý của mình.

- Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Nhà nước và pháp luật khi xảy ra các hành vi xâm phạm vốn rừng.

b) Người nhận khoán bảo vệ rừng :

- Phải thực hiện nghiêm túc hợp đồng bảo vệ với chủ rừng, chỉ được tận thu các sản phẩm phụ không gây hại đến rừng phụ cảnh khô, mọc nhĩ, lá dong và được chăn nuôi dưới tán rừng.

- Phải thường xuyên tuần tra phạm vi rừng được giao khoán, phát hiện kịp thời những hành vi gây hại đến rừng và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật khi vốn rừng bị xâm phạm.

II/ Đối với rừng đặc dụng :

Điều 4:- Rừng đặc dụng là một phần của vốn rừng quốc gia nhằm bảo tồn các di tích lịch sử, văn hóa những nguồn gen động thực vật quý hiếm. Rừng đặc dụng do Nhà nước thống nhất quản lý. Mỗi khu rừng đặc dụng phải thành lập Ban quản lý riêng. Rừng đặc dụng được chia làm ba loại phân khu chức năng :

- Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt
- Phân khu bảo vệ vùng đệm và phục hồi sinh thái
- Phân khu dịch vụ, hành chính.

Điều 5:- Do tính chất bảo tồn thiên nhiên lâu đời nên rừng đặc dụng phải được bảo vệ nghiêm ngặt, không được làm tổn hại đến tính chất nguyên thủy của rừng. Ranh giới khu rừng đặc dụng phải được xác định bằng hệ thống biển mốc kiên cố. Mọi hoạt động và sự di lại trong khu rừng đặc dụng phải tuân theo nội qui chung và nội qui riêng của từng phân khu chức năng.

CỤC VẬT
BÁ

a) Đối với phân khu bảo vệ nghiêm ngặt :

- Cấm săn bắn động vật rừng với bất kỳ hình thức và phương tiện nào.

- Cấm gây cháy rừng
- Không làm thay đổi cảnh quan tự nhiên của khu rừng
- Không được mang các loại động vật, thực vật ở nơi khác vào trong rừng.

- Không được gây ô nhiễm môi trường
- Không được tiến hành các nội dung nghiên cứu khoa học, lấy mẫu nếu không được phép.

- Người ngoài Ban quản lý khu rừng đặc dụng không được tự do ra vào hoặc ngủ lại đêm trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt nếu không được phép.

b) Đối với phân khu đệm :

- Được trồng rừng, tu bổ rừng nhằm phục hồi cảnh quan theo đúng luận chứng được duyệt.

- Ban quản lý rừng đặc dụng có thể giao khoán cho hộ gia đình cá nhân trong vùng. Trồng rừng, chăm sóc rừng với mức như phương án được duyệt hàng năm và khoán bảo vệ với mức không quá 30.000đ/ha năm.

c) Đối với phân khu dịch vụ hành chính :

- Được xây dựng các công trình kiên cố, đường xá, cầu cống phục vụ tham quan du lịch.

- Có thể cho cắm trại ở lại ban đêm

- Có thể cho thu hái một số sản phẩm của rừng như nấm mộc nhĩ, cây thuốc theo danh sách do Ban quản lý qui định.

d) Mọi hoạt động trong khu rừng đặc dụng đều do Ban quản lý rừng đặc dụng điều khiển. Ban quản lý rừng đặc dụng phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để xảy ra xâm hại đến cảnh quan môi trường của khu rừng đặc dụng.

III/ Rừng sản xuất :

Điều 6: - Rừng tự nhiên và rừng trồng trên khu vực đất qui hoạch cho vùng sản xuất gọi là rừng sản xuất.

- Đối với rừng tự nhiên thuộc khu vực sản xuất nay giao cho các Lâm trường quốc doanh hoặc Ban dự án 327 quản lý. Trong thời gian đóng cửa rừng tùy theo tính chất xung yếu từng khu vực mỗi Lâm trường, Ban quản 327 xây dựng phương án bảo vệ của mình trình UBND tỉnh phê duyệt với mức không quá 30.000đ/ha

bằng nguồn 327-CT.

- Đối với rừng trồng bằng nguồn vốn vay 264 các Lâm trường lâm phương an bảo vệ, trình Sở NLM phê duyệt. UBND tỉnh cân đối cho vay với lãi suất ưu đãi với mức không quá 30.000đ/ha.

Điều 7:- Việc bảo vệ rừng tự nhiên và rừng trồng thuộc khu vực rừng sản xuất do Lâm trường bố trí lực lượng công nhân bảo vệ hoặc khoán cho các hộ gia đình, cá nhân bảo vệ với hợp đồng kinh tế chặt chẽ theo pháp lệnh hợp đồng kinh tế.

Điều 8:- Giám đốc Lâm trường và Ban quản lý 327 phải xây dựng phương án sản xuất kinh doanh có hiệu quả nhất để bảo vệ và phát triển vốn rừng, theo luật định -mọi hoạt động khai thác, vận chuyển lâm sản trong phạm vi Lâm trường quản lý phải được UBND tỉnh cho phép.

Điều 9:- Giám đốc Lâm trường, Ban quản lý 327-CT phải hoàn toàn chịu trách nhiệm nếu để xảy ra xâm hại đến vốn rừng.

CHƯƠNG II

CHÍNH SÁCH KHOANH NUÔI TẠI SINH RỪNG

Điều 10:- Đối tượng khoanh nuôi tái sinh rừng là đất lâm nghiệp có khả năng phục hồi lại rừng, bao gồm các loại như sau :

Loại 1 : Đất trống chưa thành rừng, đặc trưng có lớp thực bì gây gỗ, có thể có 1 số cây gỗ, tre mọc rải rác mà lượng cây thân gỗ tái sinh đang kể có chiều cao trên 1 mét đạt từ 1.000 cây/ha trở lên.

Loại 2 : Rừng gỗ phục hồi sau nương dẫy, đặc trưng bởi lớp cây tiên phong và sang mọc nhanh đều tuổi, 1 tầng.

Loại 3 : Rừng phục hồi sau khai thác kiệt, đặc trưng phần lớn là rừng non với những loại cây tương đối và sang, thành phần loài phức tạp không đều tuổi đường kính phổ biến không quá 20cm vượt lên khỏi tán rừng loại này có thể còn sót lại 1 số cây của rừng cũ nhưng trữ lượng không đáng kể.

Loại 4 : Rừng nứa xen lẫn giang. Nứa chủ yếu là nứa tép chiếm trên 20% xen lẫn khoảng 5-7% nứa 7 và khoảng 2-3% nứa 5. Độ che phủ từ 50% trở lên.

TRƯ TUYÊN

SA

Loại 5 : Rừng giang xen lẫn nứa. Giang chiếm khoảng 30% phát triển tốt, lan bò chồng chất lên nhau. Độ che phủ từ 50% trở lên.

Loại 6 : Các loại rừng tre nứa phục hồi sau nương dẫy, sinh trưởng tốt phân bố đều trên diện tích.

Điều 11: - Nhà nước giao rừng khoanh nuôi cho các lâm trường, các Ban quản lý dự án, các tổ chức Nhà nước theo luận chứng kinh tế kỹ thuật, dự án quản lý xây dựng rừng được cấp thẩm quyền phê duyệt.

1- Đối với khoanh nuôi rừng phòng hộ Nhà nước giao cho các lâm trường, các Ban quản lý rừng phòng hộ tổ chức lực lượng chuyên trách khoanh nuôi rừng, trong trường hợp cho phép thì thuê khoán hộ gia đình, cá nhân theo hợp đồng khoán theo suất đầu tư của Nhà nước.

2- Đối với khoanh nuôi rừng đặc dụng, Nhà nước giao cho các Ban quản lý rừng đặc dụng tổ chức lực lượng chuyên trách khoanh nuôi hoặc thuê khoán hộ gia đình, cá nhân theo hợp đồng khoán theo suất đầu tư của Nhà nước.

3- Đối với khoanh nuôi rừng sản xuất. Nhà nước giao cho các lâm trường hoặc các tổ chức của Nhà nước tổ chức lực lượng khoanh nuôi hoặc thuê khoán hộ gia đình, cá nhân theo hợp đồng kinh tế.

Điều 12: - Thời gian quy định cho khoanh nuôi tại sinh rừng là thực hiện cho đến khi rừng khép tán.

- 1- Loại 1 từ 7 đến 8 năm
- 2- Loại 2, loại 3 từ 5 năm đến 6 năm
- 3- Loại 4, loại 5 và loại 6 từ 3 đến 4 năm.

Điều 13: - Tất cả rừng khoanh nuôi sau khi đã khép tán sẽ chuyển sang chế độ bảo vệ rừng (theo quy định ở chương I).

Điều 14: - Suất đầu tư cho khoanh nuôi rừng tùy theo từng loại rừng, từng khu vực nhưng không quá 30.000đ/ha năm.

1- Đối với rừng phòng hộ và rừng đặc dụng theo nguồn ngân sách cấp.

2- Đối với rừng sản xuất Nhà nước cho vay với lãi suất ưu đãi. Lượng vốn vay được quy định theo từng thời gian (năm). Thời gian trả lại vốn thực hiện khi rừng có sản phẩm khai thác.

QUANG
O

Điều 15:- Trách nhiệm và quyền lợi của chủ rừng giao nhận rừng khoanh nuôi.

1- Trách nhiệm : Phải có hồ sơ thiết kế, đóng cọc mốc phân định ranh giới rõ ràng trên thực địa và bản đồ.

+ Phải quản lý rừng đúng mục đích sử dụng 3 loại rừng phòng hộ, đặc dụng, sản xuất.

- Phải áp dụng biện pháp bảo vệ rừng khoanh nuôi, cấm mọi hành vi làm tổn hại đến hiện trạng rừng như phát rừng làm nương dẫy, chặt phá cây rừng, đốt cháy rừng ...

2- Quyền lợi :

- Được hưởng đầu tư hoặc vay vốn theo điều 14

- Được tận thu cành cây khô để làm củi và các lâm sản phụ của rừng như : Cây dược liệu, cây cảnh, mộc nhĩ, lá dong, hoa quả.

CHƯƠNG III

CHÍNH SÁCH TRONG RỪNG

CHICUCVÂN
BẢ

Điều 16:- Đối tượng trồng rừng.

Là đất lâm nghiệp thuộc đất trồng đồi trọc được qui hoạch cho trồng rừng.

Điều 17:- Đối với trồng rừng phòng hộ.

1- Nhà nước giao cho Ban quản lý rừng phòng hộ xây dựng luận chung KTKT thiết kế kỹ thuật theo định mức và đơn giá được phê duyệt. Ban quản lý tổ chức lực lượng chuyên trách trồng rừng hoặc khoán theo hợp đồng với các tổ chức, các hộ gia đình và cá nhân.

2- Mức đầu tư cho trồng rừng phòng hộ được ngân sách cấp theo dự toán thiết kế được phê duyệt.

3- Người nhận khoán trồng rừng phòng hộ ngoài tiền công được trả theo hợp đồng còn được kết hợp gây trồng và thu hoạch các cây đặc sản, lâm sản phụ như cây dược liệu, cây cảnh, mộc nhĩ, hoa quả ...

4- Trách nhiệm của người nhận khoán có trách nhiệm thực hiện đầy đủ qui trình, qui phạm trồng rừng phòng hộ và những cam kết trong hợp đồng nhận khoán, nếu làm trái qui

định, vi phạm hợp đồng cam kết, gây thiệt hại cho rừng và đất rừng thì không được hưởng những quyền lợi đã nêu trên đồng thời phải bồi thường những thiệt hại đã gây ra.

Điều 18: - Đối với trồng rừng đặc dụng.

1- Nhà nước giao cho Ban quản lý rừng đặc dụng xây dựng luận chứng KTKT, thiết kế kỹ thuật trồng rừng theo định mục, đơn gia được duyệt. Ban quản lý dự án rừng đặc dụng tổ chức lực lượng chuyên trách trồng rừng hoặc khoán theo hợp đồng với các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân.

2- Mức đầu tư cho trồng rừng trong các khu rừng đặc dụng được ngân sách cấp theo dự toán thiết kế được phê duyệt.

3- Trách nhiệm của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được giao khoán trồng rừng đặc dụng phải thực hiện nghiêm ngặt những qui định và hương dẫn cụ thể của Ban quản lý rừng đặc dụng. Nếu vi phạm bị xử phạt như qui định trách nhiệm đối với trồng rừng phong hộ.

Điều 19: - Nhà nước giao đất trồng đồi trọc để trồng rừng sản xuất kinh doanh cho các tổ chức theo luận chứng kinh tế kỹ thuật được cấp có thẩm quyền phê duyệt, giao cho các hộ gia đình cá nhân không qua 10 ha để trồng rừng, phủ xanh đất trống đồi trọc, xây dựng trang trại, sản xuất nông lâm kết hợp đạt hiệu quả cao.

1- Sau khi rừng khép tán được thực hiện 5 quyền như luật đất đai đã qui định.

2- Được đền bù, bồi hoàn thành quả lao động, kết quả đầu tư trên đất trồng rừng được giao theo thời gia thì trường khi Nhà nước thu hồi đất dùng vào mục đích khác.

3- Được hưởng lợi ích do các công trình công cộng bảo vệ, cải tạo rừng, cải tạo đất trồng rừng mang lại.

4- Được Nhà nước bảo hộ quyền lợi và lợi ích hợp pháp trên diện tích rừng, đất rừng được giao.

5- Được các tổ chức Nhà nước, đơn vị quốc doanh, và dịch vụ NLN hương dẫn chuyên giao kỹ thuật, kiến thức quản lý SXKD lâm nghiệp và dịch vụ các nhu cầu cần thiết cho sản xuất.

6- Nếu có điều kiện, được vay vốn dài hạn với lãi suất ưu đãi phù hợp với đặc điểm SXKD lâm nghiệp và của tuổi rừng thành thực công nghệ từng loại cây.

THƯ LƯU
N

7- Trước mắt, trong năm 1994 thực hiện cho vay hỗ trợ đối với các tổ chức và các hộ nhận đất trồng đồi trọc trồng rừng SXKD với mục : 300.000đ tiền cây giống và 200.000đ tiền công với lãi suất ưu đãi 0,6% tháng (lãi đơn) theo t u ố i thành thực công nghệ của rừng trồng : Lở là 15 năm, bờ đề là 10 năm, keo 10 năm.

8- Khi được thụ hoạch (rừng đến tuổi thành thực công nghệ), phải tuân thủ nghiêm ngặt những qui định của Nhà nước và của tỉnh về qui trình thiết kế khai thác, trình tự khai thác, sử dụng lâm sản. Phải đóng thuế theo qui định c u a pháp luật. Sau khi khai thác phải tổ chức trồng lại rừng ngay trong năm đó.

9- Sau một năm nếu không tổ chức trồng rừng Nhà nước sẽ thu hồi giao cho người khác.

CHƯƠNG IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20:- Trước khi giao đất, khoán rừng phải thực hiện đầy đủ. Những nội dung nghiệp vụ cần thiết để làm căn cứ giao, khoán.

- Thiết kế đo đạc, xác định rõ ranh giới và diện tích cụ thể.

- Mô tả thống kê đầy đủ tình trạng rừng (trữ sản lượng, loài cây chủ yếu độ che phủ mật độ, tuổi cây rừng ...).

- Mô tả tình trạng đất rừng (loại đất)

- Thiết kế, biện pháp trồng rừng, bảo vệ khoanh nuôi và những qui phạm kỹ thuật bắt buộc.

Điều 21:- Các hộ được giao đất, khoán rừng tự nguyện, tự chủ trong việc xây dựng kế hoạch và tổ chức sản xuất, tích cực khai thác tiềm năng lao động và vốn tự có của mình kết hợp với vốn hỗ trợ và đầu tư của Nhà nước để tổ chức bảo vệ, khoanh nuôi gây trồng rừng và SXKD l ầ m nghiệp đạt hiệu quả ngày càng cao.

Điều 22:- Lực lượng các hộ khuyến nông và những người trực tiếp hướng dẫn chuyển giao kỹ thuật, giúp cơ quan Nhà nước thực hiện chức năng kiểm tra giám sát đến từng hộ, trong việc triển khai thực hiện qui định này.

Điều 23:- UBND các xã có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan lâm nghiệp trên địa bàn thực hiện chức năng

TRUYỀN
SA

quản lý Nhà nước về phát triển lâm nghiệp trên địa bàn vận động nhân dân nhân đất, nhận khoán rừng xây dựng y thực bảo vệ và phát triển rừng và xử lý những tranh chấp trên địa bàn, giúp đỡ và kiểm tra các cơ quan, đơn vị có nhiệm vụ triển khai thực hiện chính sách này đến các hộ.

Điều 24:- UBND các huyện thị phối hợp với các ngành liên quan tổ chức vận động nhân dân trên địa bàn, thực hiện tốt kế hoạch, bảo vệ, khoanh nuôi và trồng rừng hàng năm được giao.

Điều 25:- Lực lượng kiểm lâm nhân dân có trách nhiệm thực hiện chức năng bảo vệ tại nguyên rừng và đất rừng, kiểm tra ngăn chặn và xử lý nghiêm minh các hành vi xâm phạm vốn rừng.

Điều 26:- Ban quản lý ruộng đất tỉnh có trách nhiệm triển khai nhanh việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp cho các chủ rừng trong phạm vi toàn tỉnh trong 2 năm 1994-1995.

Điều 27:- Sở tài chính, Chi cục kho bạc có trách nhiệm phối hợp với Sở Nông lâm nghiệp, Ủy ban kế hoạch và các huyện thị để tổng hợp kế hoạch cân đối ngân sách và tổ chức triển khai đầu tư, cho vay kịp thời đến các chủ dự án và các hộ nhân đất, nhận rừng để bảo vệ, khoanh nuôi trồng rừng theo suất đầu tư của Nhà nước.

Điều 28:- Ngành Nông lâm nghiệp có trách nhiệm xác định rõ 3 loại rừng theo đối tượng đầu tư trên phạm vi toàn tỉnh, giúp UBND tỉnh xây dựng quy hoạch, kế hoạch, chỉ đạo, kiểm tra tình hình thực hiện những chính sách của quy định này.

Điều 29:- Các ngành, các cấp, các tổ chức, các cơ quan, đoàn thể căn cứ vào chức năng nhiệm vụ của mình thực hiện tốt bản quy định này ./.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYẾN QUANG

QUANG